

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HC-PT

Ngày: 05/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Cường;  
Bà Phan Thị Vân Hương.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Ông Nguyễn Văn Tuyển, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án Hành chính thụ lý số 29/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 327/2020/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8529/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Kiều Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu 1, Thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Bùi Văn B, sinh năm 1950; vắng mặt.

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984; có mặt.

- Chị Đinh Thị V, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn B, anh Bùi Văn T, chị Đinh Thị V là bà Kiều Thị T; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/3/1982 của Ủy ban nhân dân huyện M đã giao cho hộ gia đình bà Kiều Thị T 240m<sup>2</sup> đất giãn dân tại thửa 591, tờ bản đồ 9 thôn X, xã L, huyện M, Hà Nội.

Ngày 28/8/2013, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa BQ 153621, sổ vào sổ CH01205 cho hộ gia đình bà Kiều Thị T đối với thửa đất số 591, tờ số 09, diện tích 375,5m<sup>2</sup>.

Sau khi được cấp đất năm 1982, gia đình bà T đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên thửa đất này để sử dụng cho đến nay. Năm 2015 mới phát sinh tranh chấp với các hộ xung quanh liên quan đến lối đi chung của xóm, liên quan đến thửa đất của hộ bà T.

Do có đơn kiến nghị của một số công dân có thửa đất cùng chung ngõ đi với gia đình bà T về việc họ cho rằng gia đình bà T tự ý lấn chiếm xây công và xây tường rào chiếm ngõ của tập thể làm ảnh hưởng đến việc đi lại và thoát nước của cả ngõ. Sau khi thanh tra, kết luận, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Kiều Thị T tại khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Ngày 10 tháng 02 năm 2017, bà Kiều Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Theo bà Kiều Thị T trình bày: Tháng 02/1983, gia đình bà được chính quyền địa phương cấp đất giãn dân, từ đó đến nay mốc giới không có gì thay đổi, không có tranh chấp với ai; gia đình bà chưa bao giờ lấn chiếm đất. Trên thửa đất được cấp, gia đình bà đã làm nhà ở, các công trình và trồng cây, hàng năm gia đình bà nộp thuế với Nhà nước đầy đủ theo quy định. Gia đình bà chưa bị xử phạt hành chính về việc vi phạm sử dụng đất đai cũng như các công trình xây dựng trên đất.

Ngày 28/8/2013, gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 153612 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M Đoàn Văn Trọng ký. Bà không hiểu lý do vì sao ngày 05/7/2016 Ủy ban nhân dân huyện M lại ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 153612, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01205 để thu hồi giấy chứng nhận của gia đình bà. Quyết định nêu trên là không khách quan, không đảm bảo

đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy bỏ Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với gia đình bà. Đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện M công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho gia đình bà.

*Theo người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M trình bày:* Ngày 20/6/2013, Hội đồng đăng ký đất đai của xã L tổ chức xét duyệt cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã, tổ chức thông báo công khai và kết thúc công khai các trường hợp đủ điều kiện theo đúng quy định từ ngày 20/6/2013 đến ngày 04/7/2013, trong đó có gia đình bà T tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 9, diện tích được xét duyệt là 357,5m<sup>2</sup> tại thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Ngày 28/8/2013, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 4788/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 58 hộ gia đình, cá nhân tại xã L, trong đó có gia đình bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa BQ 153612, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0051205 tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 9, diện tích 357,5m<sup>2</sup>.

Ngày 14/01/2016, Ủy ban nhân dân xã L đã làm việc với bà T và xác định: Thửa đất của hộ bà T được tập thể giao đất giãn dân từ năm 1982, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2013, diện tích được công nhận là 357,5m<sup>2</sup>, trong đó: đất ở 324,0m<sup>2</sup>, đất vườn 33,5m<sup>2</sup>.

Ngày 21/01/2016, Ủy ban nhân dân xã L làm việc cùng các hộ dân có đơn kiến nghị nhưng không đưa ra phương án giải quyết.

Ngày 22/01/2016, Ủy ban nhân dân xã L có văn bản số 09/UBND-HC với nội dung “Một số hộ dân khu 1, thôn X, xã L đề nghị Ủy ban nhân dân xã L xác định ranh giới và diện tích đất của hộ bà Kiều Thị T, xác định ngõ xóm là lối cắt hay thông ra phía ngoài đồng, xóm không có lối thoát nước thải gây ô nhiễm môi trường và bức xúc trong thôn xóm”, Ủy ban nhân dân xã L đã xác định diện tích và ranh giới của hộ bà Kiều Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với tờ bản đồ năm 1986, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M xem xét, giải quyết.

Ngày 21/01/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M đã kiểm tra hiện trạng sử dụng đất các hộ đang kiến nghị của bà Kiều Thị T. Hộ bà T đã xây tường bao, làm lối đi và cống để sử dụng theo ranh giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, rãnh thoát nước chảy từ đường cái đến thửa đất của bà T thì bị tắc không thoát được dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Ngày 11/3/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M có Báo cáo

số 54/BC-TNMT về việc giải quyết nội dung đề nghị của Ủy ban nhân dân xã L, trong đó có nội dung “Việc Ủy ban nhân dân xã L phê duyệt, xác nhận và trình Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận đối với hồ sơ thửa đất số 591, tờ bản đồ số 9 mang tên hộ bà Kiều Thị T tại Khu 1, thôn X, xã L theo bản đồ đo vẽ năm 2006, nhưng diện tích thửa đất lại cấp theo bản đồ lập năm 1986 là không đúng hình thể và diện tích thửa đất theo bản đồ lập các thời kỳ” và “đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 591, tờ bản đồ số 9 tại Khu 1, thôn X, xã L mang tên hộ bà Kiều Thị T theo quy định”.

Ngày 14/3/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Văn bản số 1101/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của công dân Khu 1, thôn X, xã L nội dung yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L xác định mốc giới sử dụng đất của hộ bà Kiều Thị T và hộ ông Nguyễn Văn M theo bản đồ qua các thời kỳ báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện phương án giải quyết theo quy định.

Sau khi nhận được Báo cáo số 10/UBND-BC ngày 15/3/2016, ngày 31/3/2016 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Văn bản số 1521/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của công dân khu 1, thôn X, xã L giao Thanh tra huyện kiểm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành kết luận thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định.

Ngày 19/4/2016, Thanh tra huyện M làm việc Ủy ban nhân dân xã L đã làm rõ: Nguồn gốc thửa đất số 591, tờ bản đồ số 9 là do hộ bà Kiều Thị T được giao giãn dân từ năm 1983, tiêu chuẩn được giao là 12,5 thước và do gia đình đổi đất rau xanh được 4,5 thước. Tổng số diện tích của gia đình là 17 thước ( $408m^2$ ). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 591, tờ bản đồ số 9, diện tích  $357,5m^2$  là không đúng về nguồn gốc, diện tích và hình thể thửa đất trong bản đồ đo đạc năm 1986, 2006 là không đúng quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 153612 ngày 28/8/2013 đã cấp cho hộ bà Kiều Thị T.

Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Thông báo số 184/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Kiều Thị T tại khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Ngày 05/7/2016, Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Kiều Thị T tại khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội với lý do: Kê khai và xét duyệt không đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện M khẳng định quy trình thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Kiều Thị T là đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã L trình bày:* Nguồn gốc thửa đất của hộ bà Kiều Thị T đang sử dụng là đất cấp giãn dân,

được Ủy ban nhân dân huyện M giao cho hộ ông Bùi Văn O (ông Bùi Văn O là anh trai của ông Bùi Văn B, chồng bà T) tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/3/1982, diện tích được giao là 240m<sup>2</sup>. Quyết định giao đất do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là ông Hoàng Văn H ký gồm 30 hộ, trong đó có hộ ông Bùi Văn O khu 1, thôn X, xã L, huyện M, Hà Nội.

Sau khi được cấp đất gia đình bà T trực tiếp quản lý sử dụng, xây dựng nhà ở trên thửa đất này, đến năm 2015 mới phát sinh tranh chấp với các hộ xung quanh liên quan đến lối đi chung của xóm mà bà T xây dựng cổng.

Ủy ban nhân dân xã L hiện có 02 hệ thống bản đồ địa chính là bản đồ được lập năm 1986 và bản đồ được lập năm 2006. Bản đồ năm 1986 thể hiện thửa đất số 308, tờ bản đồ số 01 diện tích 324m<sup>2</sup> mang tên ông Nguyễn Văn B (chồng bà T). Còn tờ bản đồ năm 2006 thửa đất số 591, diện tích 503,2m<sup>2</sup> mang tên ông Bình và bà T.

Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ bà Kiều Thị T được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BQ 153621, sổ vào sổ CHO 1205, cấp ngày 28/8/2013 đối với thửa đất số 591, tờ số 09, diện tích 375,5m<sup>2</sup>.

Biến động qua các thời kỳ diện tích đất của bà T đang sử dụng: Theo bản đồ năm 2006 có tăng hơn so với bản đồ năm 1986 là 179,2m<sup>2</sup>. Lý do biến động là bản đồ năm 2006 đã đo vẽ cả phần lối đi chung đang có tranh chấp với ngõ xóm và cả phần diện tích bờ đi giáp với nương tiêu của xã.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban nhân dân xã L nhận được đơn đề nghị của 10 hộ dân trong ngõ xóm đề nghị giải quyết việc hộ ông Bình, bà T, hộ ông Nguyễn Văn M (liền kề bà T) lấn sử dụng đất làm mất lối đi và đường tiêu thoát nước.

Ngày 14/01/2016, Ủy ban nhân dân xã L đã làm việc với bà T. Ngày 21/01/2016, Ủy ban nhân dân xã L đã tổ chức hòa giải tranh chấp lối ngõ này cho các hộ nhưng buổi hòa giải không thành. Ngày 21/01/2016, Ủy ban nhân dân xã có Văn bản số 09/UBND-HC báo cáo kết quả giải quyết đơn của các hộ công dân xóm 1, thôn X, xã L cho Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Thông báo số 184/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Kiều Thị T tại khu 1, thôn X, xã L.

Ngày 05/7/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà T. Lý do thu hồi: Kê khai và xét duyệt không đúng quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, Ủy ban nhân dân xã L đã nhiều lần mời bà T làm việc, vận động gia đình nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vận động bà T tháo dỡ phần cổng đã xây

dựng trên lối đi của ngõ, xóm nhưng gia đình bà T không đồng ý. Ủy ban nhân dân xã L đã lập biên bản vi phạm hành chính ngày 14/12/2016 đối với bà T và ban hành Quyết định số 16/QĐ-KPHQ ngày 17/01/2017, yêu cầu gia đình bà T tháo dỡ phần công trình đã dựng trên diện tích 38m<sup>2</sup> thuộc lối đi chung của xóm.

Ủy ban nhân dân xã đã vận động gia đình bà T thực hiện việc tháo dỡ công trình này nhưng bà T cho biết gia đình không đồng ý với Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia đình bà đang làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đề nghị Ủy ban nhân dân xã ngừng việc thực hiện tháo dỡ công trình của gia đình bà; vụ việc ngừng lại từ năm 2017 đến nay.

Thời gian gần đây Ủy ban nhân dân xã có nhận được nhiều đơn đề nghị của gia đình ông Nguyễn Văn M là hộ liên kề đề nghị xã, huyện phải giải quyết lối cổng đi để gia đình ông có lối cổng đi, vì hiện tại lối cổng này gia đình bà T xây dựng cản trở không cho gia đình ông M đi. Do đó, đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ việc cho dứt điểm.

Căn cứ hồ sơ địa chính quản lý tại Ủy ban nhân dân xã, căn cứ kết quả kiểm tra xác minh và tình hình sử dụng đất hiện nay của các hộ, Ủy ban nhân dân xã nhận thấy việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận của hộ bà T là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ:

Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà T là đất được cấp năm 1982, diện tích cấp 240m<sup>2</sup>, đến thời kỳ đo đạc bản đồ theo Chỉ thị 299 của Chính phủ năm 1986 thì diện tích ở thực tế của gia đình bà T là 324m<sup>2</sup>, ranh giới thửa đất theo bản đồ năm 1986 là không có phần diện tích mà hiện nay gia đình bà T đang làm cổng và xây dựng tường rào.

Đến năm 2013, khi lập hồ sơ kê khai xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà T đã kê khai diện tích 375,5m<sup>2</sup>, đây là diện tích hiện trạng gia đình đang sử dụng bao gồm cả phần lối cổng đi mà ngõ xóm đang có tranh chấp. Diện tích này không đúng với hồ sơ địa chính quản lý qua các thời kỳ, không đúng với diện tích được cấp năm 1982. Việc xây dựng lối cổng đi này của gia đình bà T đã làm ảnh hưởng đến việc đi lại và tiêu thoát nước cho tất cả các hộ trong ngõ xóm.

Ông Bùi Văn B và các con bà T nhất trí với quan điểm của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 327/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị T về việc hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Kiều Thị T tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,5m<sup>2</sup> khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2020, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Kiều Thị T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Kiều Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngày 05/7/2016, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND; ngày 10/02/2017, bà Kiều Thị T khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND: Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà T với lý do: Kê khai và xét duyệt không đúng quy định của pháp luật sau khi đã có Báo cáo số 54/BC-TNMT ngày 11/3/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và Báo cáo số 46/BC-TTr ngày 29/4/2016 của Thanh tra huyện là đúng quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Văn bản số 4603/UBND-TNMT ngày 22/8/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Kiều Thị T khu 1, thôn X, xã L với nội dung: Giao văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện M chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định, lập danh sách giấy chứng nhận đã bị hủy gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục quản lý đất đai để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử do gia đình bà T không đồng ý việc thu hồi giấy chứng nhận theo quyết

định của Ủy ban nhân dân huyện M, hộ gia đình bà T không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà T với lý do: kê khai và xét duyệt không đúng quy định của pháp luật là đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3]. Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất của hộ gia đình bà T được cấp giấy dân theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 23/3/1982 của Ủy ban nhân dân huyện M, diện tích được giao là 240m<sup>2</sup>. Bản đồ địa chính lập năm 1986 thể hiện tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 01, diện tích 324m<sup>2</sup>. Bản đồ địa chính lập năm 2006 thể hiện tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09, diện tích 503,2m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 28/8/2013 thể hiện tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,5m<sup>2</sup>. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành, thì hiện trạng thửa đất gia đình bà T đang sử dụng có diện tích 364,2m<sup>2</sup>.

[4]. Như vậy, diện tích thửa đất của hộ gia đình bà T không thống nhất, thể hiện ở tất cả các tài liệu địa chính liên quan và hiện trạng đang sử dụng. Vì vậy, Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà T với lý do: kê khai và xét duyệt không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà T đề nghị hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[5]. Về án phí: Bà Kiều Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Kiều Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 327/2020/HC-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993 sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;



Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị T về việc hủy Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ bà Kiều Thị T tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09, diện tích 357,5m<sup>2</sup> khu 1, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Về án phí: Bà Kiều Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho bà T 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0021542 ngày 15/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC HN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Thúy Bình**